TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2023/DS-ST
Ngày: 27-7-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Quyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Văn Bài;**

Bà **Lê Thị Cúc Hoa.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Phước Thành**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công K vụ án dân sự thụ lý số: 252/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022; về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2023/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 205/2022/QĐST-DS ngày ngày 06 tháng 7 năm 2023; giữa:

Nguyên đơn: Bà Thạch V, sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: 1/ Bà Thạch S, sinh năm 1976 (vắng mặt không lý do)

2/ Ông Thạch K, sinh năm 1973 (vắng mặt không lý do)

Cùng địa chỉ: ấp Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22-8-2022 (bút lục 02) trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Thạch V trình bày:

Bà có tham gia góp hụi do bà Thạch S và ông Thạch K làm chủ hụi rất nhiều dây, cụ thể vào ngày 12-4-2020 DL, dây số 34 và 36, loại hụi 3.000.000 đồng. Sau khi úp hụi giữa bà và bà S có đối chiếu số tiền bà đã đóng nhưng chỉ nói miệng, không lập văn bản đối chiếu. Đến nay các dây hụi trên bà S đã úp hụi nhưng chưa trả lại số tiền hụi bà đã đóng hụi sống, do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể từng dây hụi như sau:

1. Ngày 12-4-2020 DL, loại hụi 3.000.000 đồng, dây số 34 chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, chủ hụi có giao danh sách hụi viên, có 15 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 900.000 đồng/lần hốt, hụi nữa tháng kêu 01 lần, bà tham gia 01 phần và đóng được 03 lần hụi sống bằng 5.520.000 đồng, đến lần khui thứ 4 bà S úp hụi và chưa trả cho bà khoản tiền nào.

2. Ngày 12-4-2020 DL, loại hụi 3.000.000 đồng, dây số 36 chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, chủ hụi có giao danh sách hụi viên, có 15 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 900.000 đồng/lần hốt, hụi nữa tháng kêu 01 lần, bà tham gia 01 phần và đóng được 03 lần hụi sống bằng 5.550.000 đồng, đến lần khui thứ 4 bà S úp hụi và chưa trả cho bà khoản tiền nào.

Do đó bà yêu cầu bà Thạch S và ông Thạch K trả tiền hụi mà bà đã đóng tổng cộng bằng 11.070.000 đồng (Loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 12-4-2020 DL, dây hụi số 34 và 36). Bà không yêu cầu tính lãi hụi.

Bị đơn bà Thạch S và ông Thạch K đã được triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải hai lần vào các ngày 10-3-2023 và 31-5-2023 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất và không thống nhất:

Do đồng bị đơn vắng mặt nên không xác định được nội dung các bên thống nhất và không thống nhất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 468 và 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu phường và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội. Vị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch V. Buộc bà Thạch S và ông Thạch K trả tiền hụi sống mà bà Thạch V đã đóng tổng cộng 11.070.000 đồng. Buộc bà Thạch S và ông Thạch K chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không có mặt và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn bà Thạch V khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi". Đồng thời bị đơn bà Thạch S và ông Thạch K cư trú tại ấp Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ xét xử lần hai nhưng cả hai lần đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt bà V và bà S, ông K.

[2] *Về nội dung*:

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thạch V yêu cầu bà Thạch S và ông Thạch K trả tiền hụi mà bà đã đóng tổng cộng bằng 11.070.000 đồng (Loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 12-4-2020 DL, dây hụi số 34 và 36). Bà không yêu cầu tính lãi hụi.

Xét hợp đồng góp hụi giữa bà V với bà S và ông K là có thật. Trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2020 bà S và ông K làm chủ hụi của rất nhiều dây hụi, loại hụi khác nhau trong đó có các dây hụi số 34 và 36 loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 12-4-2020 DL. Sau khi úp hụi đáng lẽ bà S và ông K phải có nghĩa vụ thanh toán tiền hụi sống cho các hụi viên đã tham gia góp hụi, nhưng ông bà không thực hiện nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên khi có yêu cầu, nên bà S và ông K đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên còn sống. Việc vi phạm này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà V nên bà V khởi kiện bà S và ông K là có căn cứ.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã ban hành quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 15/QĐ-YCCCTLCC và công văn số 15/CV-TA cùng ngày 15-5-2023

yêu cầu ông Thạch K và bà Thạch S cung cấp bản tự khai thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông, bà đối với đơn khởi kiện của bà V và các chứng cứ để Tòa án xem xét. Đồng thời gởi kèm theo đơn khởi kiện và danh sách hụi viên do bà V nộp để yêu cầu bà S và ông K đối chiếu danh sách hụi viên, số tiền nguyên đơn đã đóng hụi sống cho bà S và ông K để ông, bà có thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được công văn phải có văn bản phản hồi cho Tòa án nếu đối chiếu thấy số tiền nguyên đơn khởi kiện không đúng. Trong công văn còn nói rõ "Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được các văn bản này hoặc được niêm yết hợp lệ tại nhà, nếu ông Thạch K và bà Thạch S và không đến Tòa án trình bày, không giao nộp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc không có ý kiến phản đối bằng văn bản, coi như thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn" (bút lục 33 và 35). Tất cả các văn bản trên đều được tống đạt hợp lệ cho bà S và ông K nhưng đến hôm nay bà S và ông K vẫn không đến Tòa để trình bày ý kiến hay có văn bản phản hồi liên quan đến 02 dây hụi mà bà Thạch V khởi kiện. Đồng thời nguyên đơn bà Thạch V cung cấp được 02 danh sách hụi viên của 02 dây hụi (bút lục 04 và 05) và xác nhận của 03 hụi viên cùng tham gia chơi chung 02 dây hụi này (bút lục 06-11). Bên cạnh đó, qua xác minh địa phương cũng thể hiện bà S và ông K có làm đầu thảo hụi và bà V có tham gia chơi hụi của bà S và ông K làm đầu thảo (bút lục 55-57). Từ những căn cứ trên cho thấy việc bà V có chơi hụi như bà trình bày là có thật, số tiền đóng hụi sống đã được nêu trong công văn tống đạt cho bà S và ông K nhưng không có phản hồi là số tiền đó không đúng. Do đó yêu cầu của bà V về việc buộc bà S và ông K trả tiền hụi mà bà đã đóng tổng cộng bằng 11.070.000 đồng (Loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 12-4-2020 DL, dây hụi số 34 và 36) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở nhận định trên và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch V; Buộc bà Thạch S và ông Thạch K trả tiền hụi mà bà đã đóng tổng cộng bằng 11.070.000 đồng.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn bà Thạch S và ông Thạch K phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Thạch V không phải chịu án phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 147 và Điều 227, 228, 238, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch V.

2. Buộc bà Thạch S và ông Thạch K trả cho bà Thạch V số tiền hụi sống đã đóng là 11.070.000 đồng (Mười một triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bị đơn bà Thạch S và ông Thạch K phải chịu 553.500 đồng án phí dân sự.

Bà Thạch V không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 276.750 đồng theo biên lai thu tiền số 0014299 ngày 18-11-2022; của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh cho bà Thạch V.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Quyền